

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101601945 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 11 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số/ĐKNY do Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán cấp ngày thángnăm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 03B nhà C9 khu tập thể Bộ tư lệnh Công Binh, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3562 6614 Fax: (84-4) 3562 6613

Website: www.v-power.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN

Trụ sở chính:

Địa chỉ: 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6268 6868 Fax: (84-8) 6255 5939

Website: www.sbsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: 88 Lý Thường Kiệt, Tầng 5, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3942 8076 Fax: (84-4) 3941 0233

Phụ trách công bố thông tin:

Họ và tên: Ông Dương Văn Sơn Chức vụ: Phó GD – Kế toán trưởng

Điện thoại: 0983388329

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101601945 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 11 năm 2011)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu p hỏ thông

Mệnh giá : 10.000 đồng/ cổ phần

Tổng số lượng cổ phần niêm yết : 5.625.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 56.250.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 38 Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6296 8684 Fax: (84-8) 6296 8684

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà M3M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 6266 3006 Fax: (84-4) 6266 3066

Website: www.dfkvietnam.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 03, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 6268 6868 Fax: (84-8) 6255 5939

Website: www.sbsc.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ : Số 88 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: (84-4) 3942 8076 Fax: (84-4) 3941 0233

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về pháp luật.....	5
3. Rủi ro đặc thù hoạt động kinh doanh.....	5
3.1 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện.....	5
3.2 Rủi ro đặc thù hoạt động đầu tư tài chính.....	5
3.3 Rủi ro đặc thù của trường đào tạo nghề.....	6
4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	6
5. Rủi ro khác.....	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 7	
1. Tổ chức niêm yết.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	9
1. Một số thông tin cơ bản về công ty.....	9
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
3. Quá trình tăng vốn.....	11
4. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	12
4.1 Sơ đồ tổ chức của Công ty.....	13
4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – điều hành của Công ty.....	13
5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty.....	16
6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:.....	18
7. Hoạt động kinh doanh.....	18
7.1 Các mảng hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.....	18
7.2 Giá trị sản phẩm dịch vụ qua các năm.....	19
7.3 Nguyên vật liệu.....	20
7.4 Chi phí sản xuất.....	21
7.5 Một số dự án đang triển khai.....	21
7.6 Trình độ công nghệ.....	23
7.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	25
7.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	25

7.9	Hoạt động Marketing	26
7.10	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	26
7.11	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	27
8.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	27
8.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010, năm 2011.....	27
8.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2011:.....	28
9.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	29
9.1	Vị thế của Công ty trong ngành.....	29
9.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	29
9.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới	30
10.	Chính sách đối với người lao động.....	30
10.1	Số lượng lao động trong Công ty	30
10.2	Chính sách đối với người lao động	31
11.	Chính sách cổ tức	32
12.	Tình hình hoạt động tài chính	32
12.1	Các chỉ tiêu cơ bản	32
12.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	37
13.	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	38
13.1	Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	39
13.2	Danh sách thành viên Ban Kiểm soát	43
13.3	Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế Toán Trưởng	45
14.	Tài sản.....	45
15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	48
15.1	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	48
15.2	Cơ sở xây dựng những chỉ tiêu, kế hoạch cho những năm tới	49
15.3	Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với Công ty	49
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	50
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	51
18.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.....	51
V.	CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ	52
1.	Loại chứng khoán: Cổ phần phổ thông	52
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng.....	52
3.	Tổng số cổ phần niêm yết: 5.625.000 cổ phần.....	52
4.	Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	52

4.1	Các hạn chế chuyển nhượng đối với nhân sự chủ chốt.....	52
5.	Phương pháp tính giá.....	53
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài.....	54
7.	Các loại thuế có liên quan	55
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	56
1.	Tổ chức tư vấn.....	56
2.	Tổ chức kiểm toán	56
VII.	PHỤ LỤC	57
1.	Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.....	57
2.	Phụ lục II: Điều lệ Công ty.....	57
3.	Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009, năm 2010; Báo cáo tài chính quý III 2011.....	57
4.	Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc. Kế toán trưởng.....	57
5.	Phụ lục V: Các phụ lục khác.....	57

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, có rất nhiều sự kiện xảy ra. Một sự kiện được coi là rủi ro đối với doanh nghiệp nếu nó có ảnh hưởng tiêu cực, tiềm ẩn khả năng gây ra thiệt hại hoặc đã gây ra thiệt hại về mặt lợi ích cho doanh nghiệp.

Có nhiều yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến các thông tin mang tính dự báo tương lai mà các nhà đầu tư cần lưu ý đến, trong đó đáng chú ý là một số rủi ro quan trọng sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sau giai đoạn khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, đến năm 2010 và đặc biệt là sang năm 2011, kinh tế thế giới lại tiếp tục trải qua đợt khủng hoảng mới với nhiều vấn đề nổi cộm như khủng hoảng nợ công ở Mỹ và Châu Âu và sự sụt giảm của thị trường chứng khoán thế giới. Không nằm ngoài ảnh hưởng đó, kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối mặt với nhiều vấn đề trầm trọng như nhập siêu, lạm phát, tỷ giá liên tục tăng cao và bất ổn. Ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế và các giải pháp thắt chặt tiền tệ khiến hầu hết các hoạt động của doanh nghiệp nói riêng và của cả nền kinh tế nói chung gặp rất nhiều khó khăn.

Năm 2011, lạm phát trở thành vấn đề nóng hổi nhất tại Việt Nam. Chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 18,13% so với năm 2010, gây ra nhiều tác động tiêu cực tới đời sống người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh. Hệ quả là mặt bằng lãi suất huy động cũng như cho vay tăng mạnh khiến doanh nghiệp càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận vốn ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng chậm lại đã đẩy nhiều công ty đến tình trạng thiếu vốn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, lãi suất đầu ra liên tục lập đỉnh tạo ra áp lực lớn từ việc chi trả lãi vay cộng thêm sự hồi phục của giá cả nguồn nguyên liệu đầu vào trên thế giới càng khiến các doanh nghiệp đối mặt với nhiều thách thức hơn. Giá bán thành phẩm liên tục điều chỉnh tăng trong khi đó người dân lại thắt chặt chi tiêu do cơn bão lạm phát. Do vậy, nguồn thu của nhiều công ty đã bị ảnh hưởng, dẫn đến việc không ít doanh nghiệp phải báo cáo lỗ trong năm hoạt động 2011.

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào các dự án trường nghệ, dự án thủy điện và đầu tư tài chính nói chung, V-POWER cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều do tác động bất lợi của kinh tế vĩ mô. Tiến độ của các dự án thủy điện đang đầu tư dang dở sẽ bị chậm lại cũng như việc phát triển các sản phẩm đầu tư tài chính mới sẽ khó khăn hơn.

Tuy nhiên Để đối phó với những khó khăn từ nền kinh tế vĩ mô, V-POWER đã i cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh chính theo hướng thu hẹp hơn, cơ cấu lại danh mục đầu tư. Nguồn vốn vay được cân nhắc kỹ lưỡng để sử dụng có hiệu quả, tránh lãng phí. Ngoài ra, doanh nghiệp lựa chọn những dự án, hướng đi mới phù hợp hơn với thực tế tập trung vào khai thác dự án trường nghệ Hòa Bình. Hơn nữa, vốn vay của V-POWER chủ yếu là vay dài hạn để đầu tư vào trường nghệ được hưởng lãi suất ưu đãi (8,4%/năm), đây cũng là một

lợi thế giảm thiểu rủi ro về lãi suất trong thời điểm hiện nay.

2. Rủi ro về pháp luật

Hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần trên lãnh thổ Việt Nam, V-POWER chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán cũng như các văn bản pháp luật chuyên ngành trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Với đặc thù là một nền kinh tế non trẻ, đang phát triển với tốc độ cao, các chủ thể kinh tế cũng như các mối quan hệ kinh tế mới liên tục hình thành đã đòi hỏi Việt Nam phải thường xuyên có sự điều chỉnh hệ thống quy phạm pháp luật cho phù hợp với tình hình thực tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, V-POWER sẽ cập nhật những thay đổi và điều chỉnh các chiến lược kinh doanh đã đề ra cho phù hợp với các chính sách mới.

3. Rủi ro đặc thù hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam là đầu tư vào các dự án thủy điện, dự án trường nghề và đầu tư tài chính. Mỗi hoạt động kinh doanh đều có những rủi ro đặc thù nhất định.

3.1 Rủi ro đặc thù ngành sản xuất kinh doanh thủy điện

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo và dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm làm lượng nước tích trữ trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai khác như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường xá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

Bên cạnh đó, rủi ro biến động giá bán điện cũng là một rủi ro đối với các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện.

3.2 Rủi ro đặc thù hoạt động đầu tư tài chính

Đối với hoạt động đầu tư vào các dự án nói chung và dự án thủy điện nói riêng, việc phân tích các chỉ tiêu của từng dự án như độ rủi ro, điểm hòa vốn, giá trị kỳ vọng của dự án, sự tương thích giữa nhu cầu thị trường và sản phẩm của dự án, các tác động tình hình tài chính là những yêu cầu quan trọng trong việc đưa ra quyết định đầu tư vào một dự án. Việc này phụ thuộc rất nhiều vào sự thu thập cũng như tìm hiểu các thông tin liên quan đến dự án. Do vậy sẽ tiềm ẩn những rủi ro về sự không chính xác trong việc thu thập cũng như phân tích các thông tin dự án. Tuy nhiên, với đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, thẩm định các dự án, rủi ro này sẽ được hạn chế.

Ngoài ra, hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán phụ thuộc rất lớn vào tình hình thị trường tài chính trong nước. Thị trường tài chính, chứng khoán luôn luôn tiềm ẩn những rủi

ro nhất định do vậy quyết định đầu tư của Công ty cũng sẽ có những tiềm ẩn rủi ro nhất định.

3.3 Rủi ro đặc thù của trường đào tạo nghề

Hiện nay, Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hòa Bình mới đang đi vào đào tạo lái xe và tổ chức thi sát hạch và cấp giấy phép lái xe. Do vậy, rủi ro đặc thù của Trường liên quan tới công tác đào tạo lái xe như cháy nổ hay tai nạn trong quá trình đào tạo.

Tuy nhiên, Công ty đã có những nội quy, quy định về an toàn cháy nổ và công tác đào tạo để đảm bảo an toàn cho học viên và giáo viên.

4. Rủi ro biến động giá cổ phiếu

Việc Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đưa cổ phiếu lên giao dịch tại thị trường chứng khoán sẽ góp phần nâng cao năng lực tài chính, khẳng định uy tín, thương hiệu của doanh nghiệp cũng như tăng cường tính thanh khoản, tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động vốn.

Tuy nhiên, rủi ro biến động giá cổ phiếu trên thị trường chứng khoán là điều không tránh khỏi. Giá cả chứng khoán trên thị trường được quyết định bởi nhiều yếu tố. Giá cả biến động có thể là do cung - cầu cổ phiếu, tình hình kinh tế - xã hội hay sự thay đổi quy định pháp luật về chứng khoán, yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã chủ động xây dựng và ban hành quyết định về quy trình công bố thông tin đối với một đơn vị niêm yết nhằm giúp khách hàng và nhà đầu tư có những thông tin tin cậy và chính xác về các hoạt động của Công ty.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro như thiên tai, dịch họa, cháy nổ... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức niêm yết

Ông Nguyễn Văn Anh Chức vụ: **Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc**

Ông Dương Văn Sơn Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Ông Tạ Minh Lập Chức vụ: **Trưởng Ban Kiểm soát**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: **Ông Hoàng Thanh Tuấn**

Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín**

Giấy ủy quyền số 09/2012/QĐ-HĐQT ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín

Bản cáo bạch là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam cung cấp.

III.CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam
Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam
V-POWER	:	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam
CTCP	:	Công ty cổ phần
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
UBCKNN	:	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BCQT	:	Báo cáo quyết toán
LNST	:	Lợi nhuận sau thuế
TTS	:	Tổng tài sản
TSCĐ	:	Tài sản cố định

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Một số thông tin cơ bản về công ty

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM

Tên tiếng anh: VIET NAM POWER INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : V-POWER.,JSC

Vốn điều lệ : 56.250.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng)

Trụ sở chính : Số 3B, nhà C9, khu TT Bộ tư lệnh Công Binh, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại : (84-4) 3 562 6614

Fax : (84-4) 3 562 6613

Website : www.v-power.vn

Email : info@v-power.vn



Logo :

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 0101601945 ngày 28 tháng 12 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu, thay đổi lần thứ 9 ngày 03 tháng 11 năm 2011.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

Hiện nay Công ty đang kinh doanh trong các ngành nghề:

- Đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Mua bán chứng khoán (không bao gồm mua bán chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu nước ngoài);
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách bằng xe ô tô;
- Giám sát thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, dân dụng trong lĩnh vực: xây dựng, hoàn thiện (trong phạm vi chứng chỉ hành nghề đăng ký kinh doanh);

- Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Đại lý mua, bán và ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bảo hiểm;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và khí đốt hóa lỏng; đại lý xăng dầu, khí đốt hóa lỏng và các dịch vụ liên quan đến xăng dầu, khí đốt hóa lỏng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng các công trình điện;
- Kinh doanh và sản xuất điện;
- Giám sát thi công xây dựng – hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế các công trình: thủy lợi, thủy điện;
(Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được thành lập từ tháng 12 năm 2004 với mức vốn điều lệ là 12.330.000.000 đồng. Từ khi mới thành lập, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã xác định được chiến lược kinh doanh của mình là đầu tư thủy điện. Công ty được hình thành bởi các tập đoàn tài chính, ngân hàng có quy mô lớn trên thị trường, gồm: Công ty cổ phần Cavico Việt Nam, ngân hàng Habubank, công ty tài chính PT Finance...

Một số mốc hình thành và phát triển của Công ty:

Tháng 7 năm 2008, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã chính thức trở thành công ty đại chúng sau khi đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Ngày 07/10/2009, cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã chính thức được giao dịch trên sàn UPCOM (thị trường giao dịch cổ phiếu Công ty đại chúng chưa niêm yết).

Bên cạnh mảng đầu tư vào các dự án thủy điện, Công ty đã mở rộng hoạt động đầu tư sang các lĩnh vực khác nhằm đa dạng hóa danh mục đầu tư và thu lợi nhuận về cho cổ đông. Từ đầu năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã đầu tư vào dự án trường trung cấp nghề tại Hòa Bình. Đến Quý IV năm 2009, Trường Trung cấp Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình đã chính thức đi vào hoạt động.

Trong suốt 7 năm hình thành và phát triển, Công ty đã tiến hành tăng vốn nhiều lần nhằm đáp ứng sự phát triển cũng như các hoạt động kinh doanh của mình.

3. Quá trình tăng vốn

Bảng 1: Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty

Năm	Vốn điều lệ (đồng)	Mức tăng vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn
2004	12.330.000.000	-	Góp vốn thành lập Công ty
2006	28.009.910.000	15.679.910.000	Phát hành riêng lẻ cho cá nhân và tổ chức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/06/2006
2007	56.250.000.000	28.240.090.000	Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/01/2007, Công ty thực hiện tăng vốn bằng: - Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4 - Phát hành riêng lẻ cho cá nhân và tổ chức

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Đợt 1: Phát hành riêng lẻ cho cá nhân và tổ chức (Tăng vốn từ 12,33 tỷ đồng lên 28 tỷ đồng)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 20/06/2006

Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 20/6/2006
- + Số lượng cổ đông: 10
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 2:1 (mỗi cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới)
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày kết thúc đợt phát hành: 30/7/2006
- + Số lượng phát hành: 616.500 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có

Phát hành riêng lẻ cho cá nhân và tổ chức

- + Khối lượng phát hành: 951.491 cổ phần
- + Phát hành cho cán bộ nhân viên: 740.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Phát hành cho các cá nhân khác: 211.491 cổ phiếu với giá bán 12.450 đồng/cổ phiếu

Đợt 2: : Phát hành cho cổ đông hiện hữu và phát hành riêng lẻ cho cá nhân và tổ chức (Tăng vốn từ 28 tỷ đồng lên 56,25 tỷ đồng)

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/01/2007.

Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- + Ngày chốt danh sách cổ đông: 5/01/2007
- + Số lượng cổ đông: 38
- + Tỷ lệ phân bổ quyền: 10:4
- + Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Ngày kết thúc đợt phát hành: 10/02/2007
- + Số lượng phát hành: 1.120.396 cổ phần
- + Tổ chức trung gian: Không có

Phát hành riêng lẻ cho cá nhân, tổ chức

- + Số lượng phát hành: 1.703.613 cổ phiếu
- + Phát hành cho cán bộ nhân viên: 135.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu
- + Phát hành cho các cá nhân khác: 1.568.613 cổ phiếu với giá thỏa thuận nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm phát hành.

4. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hiện nay Công ty có Trụ sở chính địa điểm như sau:

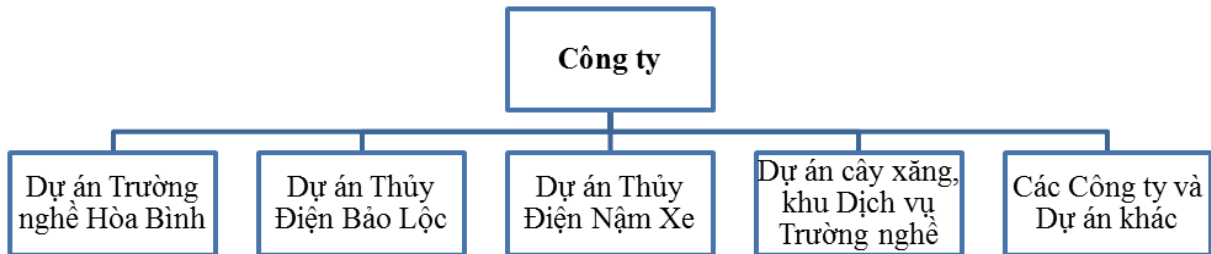
Trụ sở chính: Số 03B nhà C9 khu tập thể Bộ tư lệnh Công Binh, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng nhằm phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty.

4.1 Sơ đồ tổ chức của Công ty

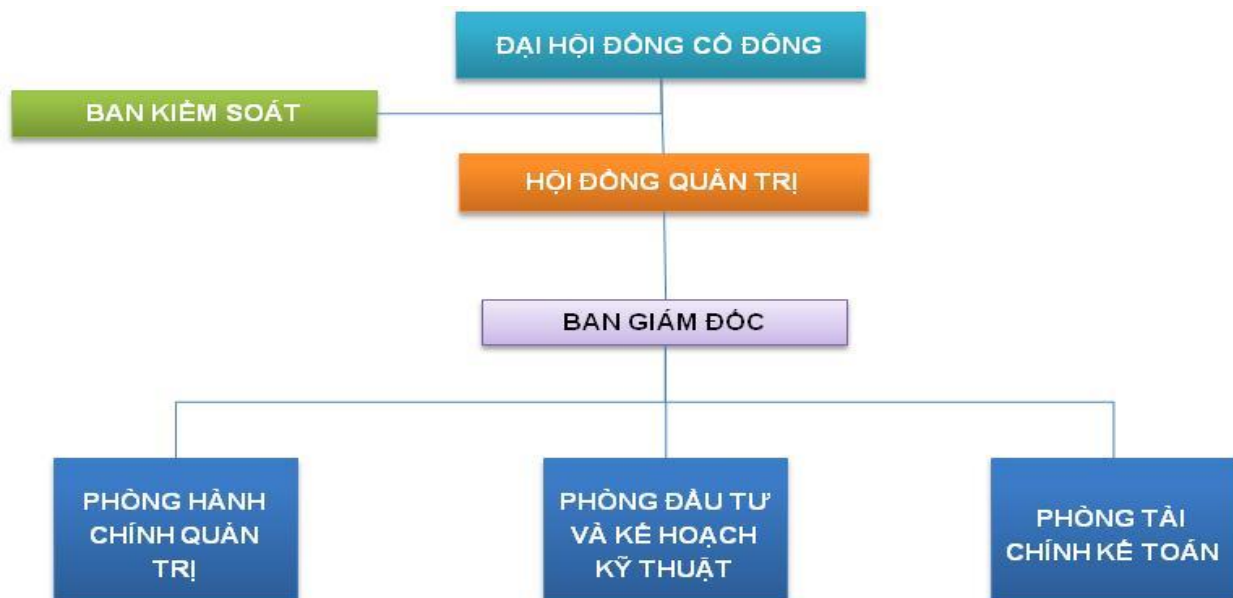
Hiện tại Công ty chỉ có một Văn phòng Giao dịch trực thuộc Trụ sở chính.

Ngoài ra, công ty cũng đang góp vốn đầu tư vào một số dự án và tham gia tổ chức, điều hành các dự án này. Cụ thể:



4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý – điều hành của Công ty

Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



❖ **Đại hội đồng cổ đông:**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị:**

HĐQT Công ty gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những

thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm.

Thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Lại Thế Vĩnh	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Nguyễn Thành Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Dương Văn Sơn	Thành viên Hội đồng quản trị

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban Kiểm soát kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động quản trị, tài chính và điều hành sản xuất, kinh doanh của công ty, cụ thể:

- Kiểm tra sổ, chứng từ kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của của HĐQT và Ban Giám đốc;

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 3 thành viên :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Tạ Minh Lập	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Sáng	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông về quản lý và điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có nhiệm vụ:

- Tổ chức triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản trị, kế hoạch kinh doanh. Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức và quy chế quản lý nội bộ Công ty theo đúng điều lệ, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.
- Ký các văn bản, hợp đồng, chứng từ theo sự phân cấp của Điều lệ Công ty.
- Báo cáo trước Hội đồng Quản trị tình hình hoạt động tài chính, kết quả kinh doanh và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Công ty trước Hội đồng Quản trị.

Cơ cấu Ban Giám đốc hiện tại như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Anh	Giám đốc
2	Lại Thế Vĩnh	Phó Giám đốc
3	Dương Văn Sơn	Phó GD kiêm KTT

❖ **Phòng Hành chính quản trị**

- Lập kế hoạch về công tác hành chính, quản trị của Công ty báo cáo Giám đốc phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện;
- Theo dõi tổng hợp và lập báo cáo tình hình hoạt động của Công ty định kỳ và đột xuất;
- Quản lý con dấu, tiếp nhận và quản lý công văn đi, đến theo quy định và bảo mật tài liệu;
- Quản lý cơ sở vật chất, trang bị của công ty, sửa chữa bảo trì trang thiết bị. Hàng năm lập kế hoạch và tổ chức việc mua sắm bổ sung các trang bị, vật tư văn phòng phẩm của Công ty;
- Quản lý và duy trì chế độ quy định, chấp hành kỷ luật, nề nếp làm việc của cán bộ, nhân viên trong Công ty;
- Tổ chức lao động tiền lương, tham mưu đề xuất kế hoạch sử dụng lao động, lao động hợp đồng theo Luật lao động và bảo đảm các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng luật hiện hành;
- Thực hiện nhiệm vụ lễ tân, đón, tiếp và hướng dẫn khách đến làm việc với cơ quan;
- Định kỳ, đột xuất báo cáo kịp thời với Giám đốc những vấn đề liên quan đến công tác hành chính, quản trị của Công ty.

❖ **Phòng Đầu tư & Kế hoạch – Kỹ thuật**

- Phối hợp và theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc, thực hiện công tác tìm kiếm và đánh giá các cơ hội đầu tư;
- Tổng hợp, phân tích đánh giá hiệu quả của các hoạt động kinh doanh và các dự án đầu tư trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư;
- Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế toán để xây dựng phương án đầu tư cho các cơ hội đầu tư/các dự án đã được thẩm định sơ bộ;

- Lập kế hoạch tổng thể và chi tiết liên quan đến việc triển khai đầu tư các dự án trên cơ sở tổng hợp kế hoạch của các bộ phận chức năng liên quan để trình lên Ban Giám đốc phê duyệt; theo dõi và quản lý việc thực hiện kế hoạch;
- Là bộ phận đầu mối thực hiện công tác quản lý các hợp đồng kinh tế;
- Chịu trách nhiệm lập dự toán và thẩm định dự toán thanh quyết toán công trình;
- Chịu trách nhiệm quản lý hồ sơ dự án theo quy định của pháp luật
- Theo dõi và quản lý các dự án đã và đang đầu tư của Công ty;
- Quản lý các hoạt động kinh doanh cổ phần, cổ phiếu hoạt động chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty.
- Định kỳ, đột xuất báo cáo kịp thời với Giám đốc những vấn đề liên quan đến công tác kinh doanh và tổ chức triển khai dự án;
- Thực hiện các nhiệm khác theo sự phân công của Giám đốc.

❖ **Phòng Tài chính - Kế toán**

- Lập kế hoạch về vốn và ngân sách để bảo đảm cho các hoạt động kinh doanh và đầu tư các dự án của Công ty; chủ động đề xuất các biện pháp về việc huy động nguồn vốn, ngân sách để thực hiện các kế hoạch kinh doanh và đầu tư các dự án;
- Quản lý các hoạt động kinh doanh cổ phần, cổ phiếu hoạt động chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu của Công ty
- Thực hiện các hoạt động về nghiệp vụ kế toán theo đúng các quy định của Công ty và chế độ kế toán mà Bộ Tài chính ban hành;
- Tổ chức quản lý vốn và tài sản trong Công ty;
- Lập các báo cáo kế toán, báo cáo quản trị định kỳ theo yêu cầu của Ban giám đốc và nhà nước;
- Quản lý việc chi tiêu và thanh quyết toán các nội dung chi tiêu của Công ty theo quy định hiện hành;
- Thực hiện các nhiệm khác theo sự phân công của Giám đốc.

5. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần Công ty tại thời điểm 06/02/2012

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Công ty TNHH CAVICO Việt Nam	Tầng 6, Tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Hà Nội	389.100	3.891.000.000	6,92%
2	Công ty Tài chính TNHH MTV Bưu điện	Tầng 15&19, Tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, Hà Nội	328.300	3.283.000.000	5,84%
	Tổng cộng		717.400	7.174.000.000	12,75%

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (*)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Việt Nam Đại diện: Lê Đức Thọ	Tầng 6, tòa nhà Công ty Sông Đà 9, xã Mỹ Đình, Huyện Từ Liêm, Hà Nội Số 237 phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội	600	6.000.000.000	30%
2	NHTMCP Nhà Hà Nội Đại diện: Đỗ Trọng Thắng	B7 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội 68 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	200	2.000.000.000	10%
3	Bùi Quảng Hà	Số 11- Ngõ 66 - Tổ 97 - Phường Láng Hạ- Hà Nội	100	1.000.000.000	5%
4	Lê Đức Thọ	Số 237 phố Khâm Thiên, phường Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	20	200.000.000	1%
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	B7 tập thể Giảng Võ, phường Giảng Võ, Quận Ba Đình, Hà Nội	100	1.000.000.000	5%
Tổng cộng			1.020	10.200.000.000	51%

Nguồn: Giấy CNĐKKD lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 28/12/2004

(*) Mệnh giá cổ phiếu của lần góp vốn đầu tiên là 10.000.000 đồng/cp, được quy định trong điều lệ được các cổ đông sáng lập thông qua ngày 03/12/2004

Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy đến thời điểm hiện tại, các cổ đông sáng lập của Công ty đã được tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông đang nắm giữ.

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 06/02/2012

STT	Chỉ tiêu	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	5.235.700	52.357.000.000	93,078
1	Cổ đông tổ chức	415.817	4.158.170.000	7,392

STT	Chỉ tiêu	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
2	Cổ đông cá nhân	4.819.883	48.198.830.000	85,686
II	Cổ đông nước ngoài	389.300	3.893.000.000	6,921
1	Cổ đông tổ chức	389.100	3.891.000.000	6,917
2	Cổ đông cá nhân	200	2.000.000	0,004
	Cộng	5.625.000	56.250.000	100

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

6. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

- Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam: Không có
- Danh sách công ty mà Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có
- Thông tin về các công ty liên kết của CTCP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam: Không có

7. Hoạt động kinh doanh

7.1 Các mảng hoạt động của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Vào thời điểm mới đi vào hoạt động, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam xác định chủ trương tập trung vào mảng đầu tư tài chính, chủ yếu là đầu tư dài hạn vào các dự án thủy điện lớn, và dần hướng tới đầu tư sở hữu nhà máy điện. Đây được coi là phân ngành đầu tư hứa hẹn tiềm năng lợi nhuận cao và ổn định, tuy nhiên đòi hỏi vốn lớn, thời gian đầu tư dài, và đi kèm đó là rủi ro gắn liền với những biến động vĩ mô nói chung và ngành tài chính nói riêng. Tính đến thời điểm hiện nay, công ty đã đầu tư vào một số dự án như dự án nhà máy thủy điện Bảo Lộc, dự án trường nghề Hòa Bình và chuẩn bị công tác đầu tư vào một số dự án thủy điện nhỏ khác khi nền kinh tế vĩ mô có dấu hiệu cải thiện và ổn định.

Nhận thấy những bất cập và rủi ro tiềm năng, Ban lãnh đạo Công ty đã sớm có định hướng tái cơ cấu hoạt động đầu tư. Cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 với những khó khăn chồng chất lại càng thúc đẩy và củng cố thêm quyết tâm tái cơ cấu hoạt động của Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã thực hiện sàng lọc, thu hẹp lại hoạt động đầu tư thủy điện, chuyển nhượng những dự án lớn, chỉ giữ lại những dự án sắp đi vào vận hành khai thác, đồng thời hướng sang đầu tư các lĩnh vực khác với quy mô đầu tư vừa phải, sở hữu trực tiếp, đem lại nguồn thu thường xuyên để đảm bảo xây dựng nền tảng tài chính

vững chắc cho Công ty.

Việc thanh lý một số hạng mục đầu tư đã giúp công ty cân bằng về tình hình tài chính, đồng thời tạo điều kiện thực hiện các hoạt động đầu tư khác hiệu quả hơn. Tại thời điểm hiện tại, bên cạnh dự án nhà máy thủy điện Bảo Lộc đã đi vào vận hành và 1 số dự án thủy điện nhỏ đang theo đuổi, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam đã đầu tư thành công dự án Trường Trung cấp dạy nghề tại Hòa Bình từ cuối năm 2009.

Hiện nay, Trường Trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình đã được cấp phép hoạt động đào tạo lái xe và Giấy phép hoạt động đối với Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ loại 2 của Bộ Giao thông Vận tải. Hoạt động của Trường Trung cấp dạy nghề đã đi vào giai đoạn ổn định, đem lại doanh thu ổn định cho Công ty.

7.2 Giá trị sản phẩm dịch vụ qua các năm

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Năm 2010			Năm 2011			Quý I/2012	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Đào tạo lái xe các hạng	7.869.213.500	93,64%	-	14.838.416.000	92,21%	88,56%	4.164.241.000	94,98%
Tổ chức thi sát hạch	525.616.000	6,25%	-	1.116.112.000	6,94%	112,34%	163.267.636	3,72%
Cho thuê xe chip	0	0%	-	137.504.595	0,85%	-	57.012.748	1,30%
Sản phẩm khác (*)	9.055.000	0,1%	-	0	0,00%	-100,00%	0	0,00%
Tổng	8.403.884.500	100%	-	16.092.032.595	100%	91,48%	4.384.521.384	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC Quý I/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

(*) sản phẩm khác bao gồm: cho thuê nhà ở dành cho giáo viên tại trường nghề khi chưa dùng đến. Hiện tại, công ty không còn doanh thu từ hoạt động này nữa.

Hiện nay, hoạt động tại Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình bao gồm tổ chức đào tạo lái xe, tổ chức thi sát hạch và cho thuê xe. Trong số đó, mảng đào tạo lái xe đem lại doanh thu chính cho Công ty, chiếm 92,21% tổng doanh thu năm 2011. Bước

sang năm 2011, hoạt động của Trường đi vào ổn định và doanh thu đã có sự tăng trưởng ấn tượng.

Dự án thủy điện Bảo Lộc đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 2009 và theo dự kiến đến trong thời gian sắp tới sẽ bắt đầu đem lại doanh thu cho V-POWER từ việc nhận cổ tức.

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị tính: đồng

Sản phẩm	Năm 2010			Năm 2011			Quý 1/2012	
	Giá trị	Tỷ trọng/DT T (%)	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)	Tăng trưởng	Giá trị	Tỷ trọng/DTT (%)
Đào tạo lái xe các hạng	4.413.517.174	52,52%	-	8.398.968.770	52,19%	90.30%	1.849.992.694	94,95%
Tổ chức thi sát hạch	294.796.328	3,51%	-	631.751.383	3,93%	114.30%	65.825.602	3,38%
Cho thuê xe chip	0	0,00%	-	77.831.542	0,48%	-	32.652.240	1,68%
Sản phẩm khác	5.078.576	0,06%	-	0	0,00%	-100.00%	0	0,00%
Tổng	4.713.392.078	56,09%		9.108.551.695	56,60%	93.25%	1.948.470.536	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC Quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Cũng như trong cơ cấu doanh thu, hoạt động đào tạo lái xe chiếm tỷ trọng lớn trong lợi nhuận gộp, chiếm đến 92,21% tổng lợi nhuận gộp và 52,19% doanh thu thuần trong năm 2011. Sau khi đi vào hoạt động ổn định, trường đào tạo lái xe đã đóng góp một phần quan trọng trong kết quả hoạt động kinh doanh chung, giúp lợi nhuận gộp năm 2011 bằng tăng trưởng 93,25% so với năm 2010. Quý 1/2012, lợi nhuận gộp về đào tạo lái xe các hạng vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu.

7.3 Nguyên vật liệu

Xăng dầu là nhiên liệu chính của Công ty phục vụ hoạt động đào tạo lái xe và tổ chức thi sát hạch tại Trường Trung cấp Dạy nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

Để đáp ứng nguồn nhiên liệu ổn định phục vụ cho hoạt động, Công ty đã có những cam kết hợp tác với các nhà cung cấp trong địa bàn tỉnh Hòa Bình và thành phố Hà Nội. Nguồn cung cấp xăng dầu luôn ổn định và sẵn sàng có các nguồn cung ứng thay thế bởi trên địa bàn Trường nghề hiện nay có nhiều đại lý cung cấp xăng dầu.

Ảnh hưởng của giá cả xăng, dầu tới doanh thu, lợi nhuận:

Trong vài năm gần đây, giá xăng, dầu liên tục biến động và có xu hướng tăng. Tuy nhiên, chi phí xăng dầu chỉ chiếm khoảng 6% giá vốn hàng bán. Do vậy, biến động về giá xăng dầu không ảnh hưởng nhiều tới chi phí đầu vào cũng như lợi nhuận của Công ty.

7.4 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất

Đơn vị tính : đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2010		Năm 2011		Quý 1/2012	
	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu	Giá trị	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	3.690.492.422	43.91%	6.983.480.900	43,40%	2.436.050.848	55,56%
Chi phí bán hàng	0		0	0	0	0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.662.864.849	31.69%	4.337.136.284	26,95%	1.102.718.594	25,15%
Chi phí tài chính	4.932.569.482	58.69%	3.905.126.300	24,27%	722.141.753	16,47%
TỔNG CỘNG	11.285.926.753	134.29%	15.225.743.484	94,62%	4.260.911.195	97,18%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Chi phí sản xuất chiếm tỷ trọng khá cao so với doanh thu nhưng năm 2011 đã giảm so với năm 2010. Chi phí quản lý vẫn chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu. Chi phí tài chính năm 2011 đã giảm so với năm 2010 do trong năm 2011 Công ty đã tắt toán khoản vay tại Ngân hàng Habubank. Quý 1/2012, tỷ trọng chi phí quản lý đã giảm xuống, giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao nhất so với doanh thu.

7.5 Một số dự án đang triển khai

Bảng 8: Một số dự án Công ty đang triển khai

STT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Số vốn đã góp	Mục tiêu dự án	Thời gian đi vào hoạt động
1	Dự án trường Trung cấp Nghề Hòa Bình	83,11 tỷ đồng	52,381 tỷ đồng (*)	Đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề cho nhân dân địa phương. Các ngành nghề do trường đào tạo gồm: - Du lịch lữ hành, quản trị kinh doanh, Điện công nghệ và gia	Quý 4 năm 2009

				<p>dụng, Bảo trì và sửa chữa điện lạnh, Bảo trì và sửa chữa máy tính;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thợ sửa chữa ô tô, xe máy, Thợ điện công nghiệp và gia dụng, Thợ bảo trì và sửa chữa máy tính, Thợ hàn - nguội, thợ mộc gia dụng, Đào tạo lái xe B1 –F, Đào tạo tin chỉ tin học, ngoại ngữ, Giáo dục văn hoá phổ thông khi có yêu cầu của địa phương (PTCS, THCS, PTH, Liên kết đào tạo trình độ cao đẳng nghề và đại học) - Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe với quy mô khoảng 2.500 học viên/năm, tạo nguồn thu nhập ổn định cho công ty trong năm 2010 và các năm tiếp theo. - Giai đoạn II (quý IV/2011): dự kiến sẽ đưa vào chương trình đào tạo thêm các ngành điện công nghiệp và dân dụng, ngành cơ khí... để đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực của tỉnh Hòa Bình theo các Chương trình hỗ trợ về đào tạo nghề của Nhà nước dành cho các đối tượng là dân tộc các tỉnh miền núi, bộ đội xuất ngũ... 	
2	Dự án Nhà máy thủy điện Bảo Lộc	533,487 tỷ đồng	15,570 tỷ đồng	<p>Nhà máy Thủy điện Bảo Lộc phát điện và cung cấp cho lưới điện quốc gia với công suất thiết kế (Nlm) 24.5 MW và một sản lượng điện hàng năm đạt 128.6 x 106 KWh. Dự kiến cổ phiếu công ty cổ phần VRG Bảo Lộc sẽ được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội , tạo ra giá trị lớn và tính thanh khoản cao cho khoản đầu tư của V – Power.</p>	Chính thức phát điện từ cuối năm 2009

3	Một số dự án thủy điện nhỏ khác có công suất từ 5-10MW, Công ty đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư theo từng bước. Dự kiến sẽ thúc đẩy hoạt động kêu gọi đầu tư và triển khai trong khoảng 1-2 năm tới, khi tình hình kinh tế vĩ mô đã có dấu hiệu cải thiện và dần đi vào ổn định.
----------	--

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

(*) trong đó bao gồm: vốn tự có 13,603 tỷ đồng và vốn vay ưu đãi của ngân hàng phát triển là 39,381 tỷ đồng

7.6 Trình độ công nghệ

Bảng 9: Chương trình đào tạo lái xe hạng B1, B2, C

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B1	HẠNG B2	HẠNG C
	CÁC MÔN HỌC				
1	Luật Giao thông đường bộ	giờ	80	80	80
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường	giờ	20	24	24
3	Nghiệp vụ vận tải	giờ	-	24	24
4	Đạo đức người lái xe	giờ	12	16	16
5	Kỹ thuật lái xe	giờ	24	24	24
6	Tổng số giờ học thực hành lái xe/1 xe tập lái	giờ	400	400	720
	- Số giờ thực hành lái xe/học viên	giờ	80	80	90
	- Số km thực hành lái xe/học viên	km	960	960	1000
	- Số học viên/1 xe tập lái	học viên	5	5	8
7	Số giờ học/học viên/khoá đào tạo	giờ	216	248	258
8	Tổng số giờ một khoá đào tạo	giờ	536	568	888
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO				
1	Ôn và kiểm tra kết thúc khoá học	ngày	4	4	4
2	Số ngày thực học	ngày	67	71	111
3	Số ngày nghỉ lễ, khai bế giảng	ngày	15	15	21

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE		
			HẠNG B1	HẠNG B2	HẠNG C
4	Cộng số ngày/khoá đào tạo	ngày	86	90	136

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng 10: Chương trình đào tạo nâng hạng giấy phép lái xe

STT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE						
			B1 LÊN B2	B2 LÊN C	C LÊN D	D LÊN E	B2,C,D, E LÊN F	B2 LÊN D	C LÊN E
	CÁC MÔN HỌC								
1	Luật Giao thông đường bộ	giờ	16	16	16	16	16	20	20
2	Kiến thức mới về xe nâng hạng	giờ	-	8	8	8	8	8	8
3	Nghiệp vụ vận tải	giờ	24	8	8	8	8	8	8
4	Đạo đức người lái xe	giờ	12	16	16	16	16	20	20
5	Tổng số giờ học thực hành lái xe/1 xe tập lái	giờ	50	144	144	144	144	280	280
	Số giờ thực hành lái xe/học viên	giờ	10	18	18	18	18	28	28
	Số km thực hành lái xe/học viên	km	150	240	240	240	240	380	380
	Số học viên/1 xe tập lái	học viên	5	8	8	8	8	10	10
6	Số giờ học/học viên/ khoá đào tạo	giờ	62	66	66	66	66	84	84
7	Tổng số giờ một khoá đào tạo	giờ	102	192	192	192	192	336	336
	THỜI GIAN ĐÀO TẠO								
1	Ôn và kiểm tra kết thúc khoá học	ngày	2	2	2	2	2	2	2

STT	CHỈ TIÊU TÍNH TOÁN	ĐƠN VỊ TÍNH	HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE						
			B1 LÊN B2	B2 LÊN C	C LÊN D	D LÊN E	B2,C,D, E LÊN F	B2 LÊN D	C LÊN E
			2	Số ngày thực học	ngày	13	24	24	24
3	Số ngày nghỉ lễ, khai bế giảng	ngày	3	4	4	4	4	8	8
4	Cộng số ngày/khoá đào tạo	ngày	18	30	30	30	30	52	52

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

7.7 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Đầu tư thủy điện là lĩnh vực được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Công ty từ lúc thành lập. Tuy nhiên, trải qua giai đoạn khủng hoảng kinh tế thế giới gần đây, cộng với sự cạnh tranh khốc liệt từ các Tổng công ty, tập đoàn lớn của Nhà nước, cơ hội tìm kiếm các dự án thủy điện mới ngày càng bó hẹp. Do đó, Công ty đã có những điều chỉnh về chiến lược hoạt động nhằm mục tiêu cao nhất là tạo ra giá trị ngày càng lớn cho các cổ đông của công ty.

Bên cạnh việc duy trì tập trung đầu tư vào các dự án thủy điện phù hợp (dự án đã hoàn thành và 1 số dự án nhỏ được đánh giá có hiệu quả), Công ty dự kiến sẽ bắt đầu nghiên cứu đầu tư vào các dạng năng lượng mới phù hợp với điều kiện chung của thị trường. Công ty dự kiến sẽ bắt đầu nghiên cứu đầu tư năng lượng gió tại một số vị trí phù hợp. Nguồn năng lượng sạch là xu hướng phát triển tất yếu của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Công ty đang nỗ lực để có thể sớm triển khai đầu tư các dự án năng lượng gió tại Việt Nam.

Đồng thời, Công ty đang có kế hoạch mở rộng lĩnh vực kinh doanh sang các ngành có khả năng tạo lợi nhuận cao như trường nghề, khai thác mỏ, bất động sản.

Ngoài ra, cùng với trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe ô tô, trong các năm tới, Công ty sẽ tiếp tục mở rộng thêm các ngành nghề đào tạo như điện và gò hàn theo chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của tỉnh Hòa Bình, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực tại địa bàn và địa phương lân cận.

7.8 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Hiện tại, hoạt động của Công ty chủ yếu là đầu tư tài chính và sở hữu khai thác Trường trung cấp nghề Hòa Bình. Việc kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ nói chung luôn là nhu cầu tự thân của mỗi doanh nghiệp, và Công ty với những đặc thù riêng về lĩnh vực hoạt

động cũng luôn chú trọng công tác kiểm tra chất lượng tương ứng và phù hợp.

Đối với mảng đầu tư cổ phần vào các công ty sở hữu dự án, Công ty thực hiện công tác kiểm soát tại nguồn bằng cách luôn tham gia sâu vào công tác điều hành nhằm góp phần cùng các đối tác triển khai dự án hiệu quả nhất. Thông qua mối quan hệ với các viện nghiên cứu, các tập đoàn và tổng công ty có bề dày hoạt động trong lĩnh vực đầu tư thủy điện như Tập đoàn Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí... Công ty luôn nhận được sự tham vấn về nhiều mặt trong quá trình tham gia quản lý và triển khai các dự án nói trên. Xét trên phương diện là đầu tư tài chính đơn thuần, Công ty cũng luôn phối hợp với các công ty tài chính, chứng khoán để thực hiện công tác rà soát, đánh giá danh mục đầu tư thường xuyên

Đối với hoạt động kinh doanh trường nghề Hòa Bình là dự án sở hữu vận hành toàn bộ, Công ty đã có chính sách rà soát thường xuyên và toàn diện trên tất cả các mặt bao gồm: trang thiết bị, nhân sự, nội dung chương trình đào tạo, chính sách thu hút học viên. Việc kiểm tra đánh giá luôn được thực hiện theo từng tháng, từng quý, và trên cơ sở báo cáo rà soát, Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp để ngày càng hoàn thiện hơn công tác quản lý và đảm bảo cho trường nghề được khai thác ngày càng hiệu quả hơn, thể hiện qua việc doanh thu tăng cao qua từng năm. Chất lượng của hoạt động kiểm tra, kiểm soát đã thúc đẩy chất lượng hoạt động của nhà trường, lượng học viên ngày càng tăng, và nhận được sự đánh giá cao và hỗ trợ về nhiều mặt của chính quyền tỉnh Hòa Bình và các cơ quan quản lý Nhà nước.

7.9 Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing tại Trường Trung cấp Kinh Tế Kỹ Thuật Hòa Bình

- **Chính sách giá**

Trường Trung cấp xây dựng mức phí đào tạo cạnh tranh và phù hợp với chi phí đầu tư và mức sống của dân cư trên địa bàn Trường nhằm đảm bảo đủ nguồn học viên cũng như lợi nhuận cho Trường.

- **Quảng bá**

Trường xác định thị trường chính là địa bàn Hà Nội và các vùng lân cận của Trường (huyện Lương Sơn, Hòa Bình). Trường đã xây dựng và phát hành hệ thống banner, tờ rơi được thiết kế riêng làm công cụ quảng bá hướng đến từng đối tượng cụ thể, từ cộng đồng các đối tác đầu tư đến các cơ quan ban ngành cũng như đối tượng học viên.

Xây dựng hình ảnh Công ty với các cơ quan chính quyền sở tại thông qua nỗ lực thực hiện triển khai các dự án có hiệu quả và đúng tiến độ, đồng thời tham gia hỗ trợ các chương trình, chính sách xã hội của địa phương.

7.10 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo của Công ty :



Hiện tại Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký bản quyền logo trên với cơ quan chức năng.

7.11 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Hiện nay, do đối tượng khách hàng của Công ty chủ yếu là các cá nhân có nhu cầu về đào tạo nghề và thi sát hạch để cấp giấy phép lái xe nên Công ty chưa ký kết hợp đồng đào tạo lớn nào.

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2010, năm 2011

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	% tăng/giảm	Năm 2011	% tăng/giảm	Quý 1/2012
Tổng giá trị tài sản	179.313.640.705	131.898.868.228	-26,44%	122.950.418.900	-6,78%	124.751.569.277
Doanh thu thuần	-	8.403.884.500	-	16.092.032.595	91,48%	4.384.521.384
Lợi nhuận từ HĐKD	1.529.208.262	167.171.820	-89,08%	1.027.210.066	514,46%	126.527.857
Lợi nhuận khác	8.466.177	1.378.480.000	171,25	-30.075.821	-102,18%	86.883.300
Lợi nhuận trước thuế	1.537.674.439	1.545.651.820	0,5%	997.134.245	-35,49%	213.411.157
Lợi nhuận sau thuế	1.537.674.439	1.545.651.820	0,5%	997.134.245	-35,49%	213.411.157
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%				

Nguồn: BCTC kiểm toán năm, 2009,2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là hoạt động đào tạo, sát hạch và cấp giấy phép lái xe tại Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình. Trường Trung cấp mới đi vào hoạt động và tạo ra doanh thu cho Công ty từ năm 2010. Hoạt động tại Trường dần đi vào quỹ đạo đem lại nguồn thu ổn định cho Công ty trong thời gian tiếp theo. Trong năm 2010, lợi nhuận khác của Công ty tăng cao do việc đánh giá lại tài sản góp vốn vào Công ty Cổ phần Solavina.

Năm 2009 và các năm trước đây, các hoạt động chính của công ty chưa mang lại doanh thu mà lợi nhuận đạt được chủ yếu là từ hoạt động tài chính. Sang năm 2010, trung tâm đào tạo sát hạch lái xe chính thức đi vào hoạt động và tạo ra doanh thu chính cho Công ty. Tuy nhiên, trong năm 2010 bên cạnh việc chi phí quản lý doanh nghiệp tăng thì hoạt động tài chính của Công ty thua lỗ (lỗ đầu tư chứng khoán) nên dẫn đến việc lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm so với năm 2009.

Năm 2011, hoạt động của trường nghề bắt đầu dần ổn định hơn. Vì thế, doanh thu đạt 16.092.032.595 đồng, tăng 91,48% so với năm 2010, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 1.027.210.066 đồng tăng 514,46% so với năm 2010. Tuy nhiên, lợi nhuận khác giảm nên lợi nhuận sau thuế đạt 997.134.245 giảm 35,49% so với năm 2010. So với kế hoạch đề ra của năm 2011, doanh thu thuần đạt 136,1% (kế hoạch là 11.822 triệu VND) và lợi nhuận sau thuế đạt 29,5% (kế hoạch là 3.372,5 triệu VND).

Trong năm 2011, doanh thu tăng cao so với năm 2010, nhưng do lợi nhuận từ hoạt động tài chính giảm, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 62,87% do mở rộng hoạt động của trường nghề, đồng thời không có khoản lợi nhuận khác nên lợi nhuận của năm 2011 chỉ đạt 64,53% so với năm 2010.

Kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2011 dự kiến thu được từ hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính. Đối với hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, Công ty đã vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận do hoạt động của trường nghề đã đi vào ổn định và từng bước phát triển. Tuy nhiên, do tình hình kinh tế khó khăn, hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2011 đạt doanh thu không đáng kể, cổ tức dự kiến thu được từ các dự án đầu tư chưa có, vì thế hoạt động tài chính không đạt được mục tiêu về lợi nhuận như kế hoạch đầu năm. Bên cạnh đó do lạm phát tăng cao và do yêu cầu mở rộng hoạt động của trường nghề, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính cũng tăng cao so với dự kiến nên lợi nhuận năm 2011 không đạt được kế hoạch đề ra.

Tình hình kinh tế vĩ mô quý 1 năm 2012 vẫn còn nhiều bất lợi nhưng đã có một số biến chuyển tích cực. Trong quý 1, doanh thu của Công ty là 4.384.521.384 đồng, đạt 23,43% kế hoạch doanh thu cả năm; lợi nhuận của công ty là 213.411.157 đồng đạt 14,03% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong

năm 2011:

Trong năm 2011 khủng hoảng kinh tế toàn cầu chưa kết thúc. Cuộc khủng hoảng này không chỉ ảnh hưởng đến kinh tế Việt Nam nói chung đồng thời đã làm xáo trộn và ảnh hưởng lớn đến toàn bộ kế hoạch và hoạt động triển khai đầu tư của Công ty. Trong các năm trước, Công ty đã cơ cấu lại danh mục đầu tư do trong bối cảnh nền kinh tế đi xuống, các kế hoạch huy động tài chính bị đổ vỡ thì đến lúc đó, việc duy trì toàn bộ danh mục đầu tư thủy điện (trong đó bao gồm nhiều dự án nhà máy thủy điện lớn) là điều bất khả thi và không đem lại hiệu quả thiết thực. Việc tái cấu trúc lại hoạt động theo hướng xây dựng bộ máy tinh gọn, tắt toán các khoản đầu tư vào các dự án lớn và mang tính lâu dài, chỉ giữ lại những dự án sắp đi vào vận hành đã làm giảm tác động xấu của suy thoái kinh tế lên tình hình hoạt động của Công ty.

Năm 2010, dự án trường nghề bắt đầu đi vào hoạt động và trong năm 2011, Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của trường nghề Hòa Bình biến đây thành hoạt động chính, đem lại nguồn thu bền vững và chủ yếu cho Công ty. Tuy nhiên, tình hình kinh tế thế giới cũng như trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của Công ty.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Trường Trung cấp dạy nghề kinh tế kỹ thuật công nghiệp Hòa Bình là đơn vị đào tạo lái xe có uy tín trong địa bàn tỉnh Hòa Bình và vùng lân cận. Trường đã đạt các tiêu chuẩn quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ của Bộ Giao thông vận tải.

Trong lĩnh vực đầu tư thủy điện, Công ty tham gia vào nhiều dự án thủy điện của quốc gia như dự án thủy điện Bảo Lộc, dự án thủy điện Nậm Xe – Lai Châu, dự án thủy điện Nậm Xây Nọi – Lào Cai. Đây là những dự án thủy điện nhỏ.

9.2 Triển vọng phát triển của ngành

9.2.1 Ngành đào tạo nghề

Trong tương lai, khi dân số ngày càng tăng, mức thu nhập trung bình được nâng cao thì nhu cầu về đi lại của người dân ngày càng tăng. Do vậy, hoạt động đào tạo lái xe và cấp phép lái xe cơ giới của Trường nghề trong tương lai có triển vọng mở rộng và tạo nguồn thu nhập ổn định cho Công ty. Bên cạnh đó, nền kinh tế phát triển hơn thì nhu cầu về đào tạo nghề ngày càng tăng nhất là ở các vùng nông thôn.

9.2.2 Ngành thủy điện

Việt Nam là quốc gia đang phát triển, chính vì vậy nhu cầu phát triển nguồn năng lượng nói chung và điện năng nói riêng là hết sức to lớn. Với đặc thù của một nước đang phát triển là cơ sở hạ tầng thấp, trình độ nghiên cứu và phát triển khoa học thấp nên trong tương lai gần hình thức sản xuất điện như điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời là không khả thi. Với

nguồn lực hiện nay của Việt Nam, có 3 dạng chính để sản xuất điện Thủy điện, nhiệt điện chạy than và nhiệt điện chạy khí dầu.

Điều kiện tự nhiên của Việt Nam là hết sức thuận lợi cho việc phát triển thủy điện. Chính vì vậy chiến lược của ngành điện Việt Nam là tập trung vào khai thác nguồn thủy điện. Như vậy triển vọng sẽ có rất nhiều các dự án thủy điện được triển khai trong tương lai. Đây chính là nguồn cung dồi dào đối với Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Dự án trường nghề Hòa Bình tại khu công nghiệp Lương Sơn với tổng diện tích 7.4 ha, phù hợp với chủ trương và chính sách của Đảng và Nhà nước, đáp ứng yêu cầu cấp bách về đào tạo nguồn nhân lực có kỹ thuật cao phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Vì vậy đây sẽ là nguồn doanh thu ổn định và lâu dài cho Công ty. Hơn nữa, trường nghề Hòa Bình lại được ưu đãi miễn thuế đất trong thời hạn 11 năm vì vậy giảm thiểu chi phí cho Công ty. Theo kế hoạch đến cuối năm 2011, Công ty tiếp tục mở rộng ngành nghề đào tạo điện và gò hàn, một mặt mở rộng quy mô hoạt động của trường một mặt có được các lợi ích từ chính sách hỗ trợ đào tạo nghề của tỉnh Hòa Bình.

Trong vòng 10 năm từ 2002 đến 2012, theo định hướng cơ bản của Chính phủ, tổng công suất điện của Việt Nam sẽ tăng thêm 13.239 MW. Theo tính toán của các chuyên gia, lượng điện năng bổ sung này sẽ gần đạt nhu cầu phát triển kinh tế Việt Nam. Để duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế từ 6 – 8%/ năm thì tổng công suất điện năng ước tính vào năm 2012 sẽ từ 16.033 – 17.858 MW. Như vậy, trong tương lai nhu cầu điện năng của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng, do vậy việc đầu tư vào các dự án thủy điện còn nhiều tiềm năng cho các nhà đầu tư nói chung và cho Công ty nói riêng.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 30/9/2011 là 94 người, cơ cấu lao động theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 11: Cơ cấu lao động của Công ty

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
I. Phân theo trình độ		
1. Trình độ đại học trở lên	11	11,7%
2. Trình độ cao đẳng	03	3,19%
3. Trình độ trung cấp	7	7,45%
4. Trình độ sơ cấp	73	77,66%

5. Công nhân		-
II. Phân theo tính chất hợp đồng lao động		
1. Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	16	17,02%
2. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (1 – 3 năm)	78	82,98%
3. Hợp đồng lao động xác định thời hạn (dưới 1 năm)	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

10.2 Chính sách đối với người lao động

10.2.1 Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: V-POWER tổ chức làm việc 8 giờ/ ngày, 5 ngày/ tuần, chế độ nghỉ theo quy định của Luật lao động. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động. Bộ phận gián tiếp làm theo giờ hành chính, bộ phận trực tiếp được bố trí làm theo ca. Thời gian nghỉ phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm đau thai sản được tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động, đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc, nhà xưởng khang trang, nhà ăn sạch sẽ, thoáng mát. Đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt.

10.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Tuyển dụng: Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.

Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

Đào tạo: Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- **Đào tạo nhân viên mới:** sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- **Đào tạo thường xuyên:** Căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, V-Power định ra kế hoạch đào tạo dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện... Kết quả sau mỗi

khoá học được báo cáo đầy đủ ngay để Công ty đánh giá hiệu quả của các phương pháp và hình thức đào tạo.

10.2.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người tạo được sự khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong thực hiện công việc đạt được hiệu quả cao, có sáng kiến trong cải tiến phương pháp làm việc, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Chính sách bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động. Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho cán bộ công nhân viên, tạo điều kiện cho công nhân viên đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần và rèn luyện sức khoẻ.

11. Chính sách cổ tức

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay cả khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán đủ các khoản nợ và các khoản phải trả khác.

Đại hội cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của những năm tiếp theo.

Trong ba năm gần đây Công ty không trả cổ tức cho cổ đông mà thực hiện tái đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

12.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố

định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	8-47 năm
- Máy móc, thiết bị	4-5 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-9 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	2-5 năm

12.1.2 Thu nhập bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên công ty là 4.500.000 đồng/người/tháng.

12.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thanh toán đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

12.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế: thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác theo đúng quy định. Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tính đến 31/12/2011.

12.1.5 Trích lập các quỹ theo luật định

Hiện tại số dư các quỹ của Công ty như sau:

Bảng 12: Số dư các quỹ

Đơn vị tính: đồng

CÁC QUỸ	31/12/2010	31/12/2011	31/3/2012
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	77.282.591
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	77.282.591
Quỹ dự phòng tài chính	0	0	77.282.591
Quỹ khác (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	77.282.591	127.139.303	127.139.303
Tổng cộng	77.282.591	127.139.303	358.987.076

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

12.1.6 Tổng dư nợ vay

Bảng 13: Dư nợ vay

Đơn vị tính: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2010		31/12/2011		31/3/2012	
	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn	Tổng số	Nợ quá hạn
Vay và nợ ngắn hạn	1.582.708.127	-	4.910.000.000	-	4.491.184.352	-
Vay và nợ dài hạn	38.068.535.671	-	29.321.243.798	-	29.321.243.798	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Vay và nợ ngắn hạn tới thời điểm 31/12/2011 của Công ty là 4.910.000.000 đồng bao gồm:

- Vay các tổ chức: 230.000.000 đ mục đích: vay bổ sung vốn lưu động.
- Nợ dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hòa Bình): 4.680.000.000 đồng

Vay và nợ dài hạn tới thời điểm 31/12/2011 của Công ty là 29.321.243.798 đồng. Đây là khoản vay kỳ hạn 10 năm của Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hòa Bình cho dự án Trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình với lãi suất vay ưu đãi là 8,4%/năm (số dư khoản vay này đến 31/12/2011 là 34.001.243.798 đồng trong đó bao gồm 4.680.000.000 đồng nợ đến hạn trả đã đền cập trên phân vay và nợ ngắn hạn)

12.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 14: Các khoản phải thu

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2011	31/3/2012
Phải thu từ khách hàng	7.544.051.263	5.685.189.051	5.674.909.051
Trả trước cho người bán	151.400.000	144.560.000	142.560.000
Phải thu nội bộ	-	-	-
Phải thu khác	6.316.483.667	2.454.188.990	821.251.295
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
TỔNG CỘNG	14.011.934.930	8.283.938.041	6.638.720.346

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng 15: Các khoản phải trả

CHỈ TIÊU	31/12/2010	31/12/2011	31/3/2012
Nợ ngắn hạn	19.523.596.870	22.084.305.170	23.749.326.981
Vay và nợ ngắn hạn	1.582.708.127	4.910.000.000	4.491.184.352
Phải trả cho người bán	7.894.764.243	6.033.543.000	6.043.622.667
Người mua trả tiền trước	-	1.175.411.000	2.220.900.000
Các khoản thuế phải nộp	1.082.331.816	1.088.101.871	7.571.218
Phải trả công nhân viên	78.611.000	225.981.519	253.726.400
Chi phí phải trả	8.301.611.927	7.335.865.353	9.244.589.796(*)
Phải trả ngắn hạn khác	583.569.757	1.315.402.427	1.410.449.957
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	77.282.591
Nợ dài hạn	45.327.535.671	32.821.243.798	32.821.243.798
Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
Vay và nợ dài hạn	38.068.535.671	29.321.243.798	29.321.243.798
Phải trả dài hạn khác	7.259.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-
TỔNG CỘNG	64.851.132.541	54.905.548.968	56.570.570.779

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2010, 2011, BCTC quý 1/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

() chi phí phải trả chủ yếu là lãi vay ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển Nhà Hà Nội. Tại thời điểm 31/12/2011 chi phí lãi vay phải trả là 7.206.152.927 đồng, 31/3/2012 là 9.047.157.511 đồng, số lãi vay này đã được Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển nhà Hà Nội đồng ý gia hạn đến năm 2013.*

12.1.8 Các khoản đầu tư

Bảng 16: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Khoản mục	31/12/2010	31/12/2011	31/3/2012
Đầu tư ngắn hạn	1.228.520.000	7.100.000.000	7.100.000.000
- Cho vay Nguyễn Anh Dũng	1.228.520.000	-	-
- Cổ phần của Cty CP Solavina	-	7.100.000.000	7.100.000.000(*)

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

(*) đây là khoản đầu tư cổ phiếu Solavina (mã chứng khoán SVN), tương đương với số cổ phần là 710.000 cổ phần, chiếm 23,67% tổng số vốn điều lệ của Solavina. Khoản đầu tư này không nhằm mục đích tham gia hợp tác liên doanh liên kết mà chỉ đơn thuần là khoản đầu tư mua cổ phiếu nhằm mục đích kinh doanh chứng khoán ngắn hạn. Ngoài ra, giữa V-POWER và Công ty Cổ phần Solavina đã có biên bản thỏa thuận về việc V-POWER đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Solavina nhưng không thực hiện liên doanh, liên kết, chỉ phối kiểm soát đối với các hoạt động của SVN, vì vậy V-POWER không thực hiện hạch toán khoản đầu tư này vào khoản mục đầu tư vào công ty liên kết mà hạch toán vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn.

Bảng 17: CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Khoản mục	31/12/2010		31/12/2011		31/3/2012	
	Số lượng CP	Giá trị đầu tư	Số lượng CP	Giá trị đầu tư	Số lượng CP	Giá trị đầu tư
Đầu tư tài chính dài hạn		40.031.906.429		42.299.559.855		44.140.661.528
- Cty CP VRG - Bảo Lộc	1.557.000 (*)	22.113.396.999	1.557.000	21.208.100.425 (**)	1.557.000	23.049.202.098
- Cty CP ĐT tài nguyên và Năng lượng Lào Cai	312.613	3.126.131.763	312.613	3.126.131.763	312.613	3.126.131.763
- Cty CP ĐT tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	539.238	5.392.377.667	1.706.533	17.065.327.667	1.706.533	17.065.327.667
- Cty CP xi măng Mai Sơn	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000	10.000	100.000.000
- Cty CP phát triển trí tuệ trẻ Việt Nam	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
- Cty CP Phát triển Nhân trí Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Cổ phần Cty CP Solavina	850.000	8.500.000.000	-	-	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

(*) Trong 1.557.000 cổ phần Công ty CP VRG - Bảo Lộc mà V-POWER sở hữu tại 31/12/2011 đã bao gồm cả phần sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt (nay là Công ty Cổ phần Vinavico) là 500.000.000 đồng tương đương 50.000 cổ phần. Theo giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 06/07/2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 16/11/2007 và thay đổi lần thứ 6 ngày 01/12/2008, ủy thác đầu tư là một trong những ngành nghề kinh doanh Công ty được cấp phép. Tuy nhiên, việc ủy thác

đầu tư hiện nay không có trong danh mục các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất do những quy định hiện hành về hoạt động ủy thác đầu tư. Để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động ủy thác đầu tư, chúng tôi cam kết sẽ thanh lý hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty Cổ phần Vinavico số 49/2007/HĐHTĐT-V-POWER trong quý 2 năm 2012.

(**) giá trị đầu tư bao gồm giá trị cổ phiếu đầu tư và chi phí vốn cho khoản đầu tư đó. Giá trị đầu tư cổ phiếu của V-POWER tại Bảo Lộc đầu năm là 22.113.396.999 đồng, trong đó mệnh giá vốn góp là 15.570.000.000 đồng và các chi phí đầu tư liên quan là 6.543.396.999 (chi phí đầu tư liên quan này bao gồm cả lãi chậm góp vốn phải trả Bảo Lộc phát sinh từ các năm 2007, 2008 đã ghi nhận vào chi phí đầu tư cổ phiếu và ghi tăng khoản phải trả Bảo Lộc). Tuy nhiên trong năm 2011, Nghị quyết ĐH ĐCĐ của Bảo Lộc đã xóa một phần nợ lãi phải trả là 905.296.574 đồng, do vậy, chi phí đầu tư liên quan cũng giảm, làm giảm tổng giá trị đầu tư.

Về các khoản đầu tư dài hạn của Công ty: các công ty mà V-POWER đầu tư hiện tại chưa niêm yết, đồng thời chưa có giao dịch chuyển nhượng trên thị trường nên chưa có tham chiếu về giá. Đối với các công ty này, V-POWER đầu tư với giá bằng mệnh giá. Hiện tại, các công ty kết quả kinh doanh có lãi nên với các khoản đầu tư trên, công ty không trích lập dự phòng (Thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,44	1,16
- Hệ số thanh toán nhanh (lần)	0,62	0,77
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
- Hệ số nợ/Tổng tài sản	49,17%	44,66%
- Hệ số nợ/Vốn của các nhà đầu tư	96,72%	80,69%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay tài sản (lần) (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	0,05	0,13
- Vòng quay hàng tồn kho (lần) (Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân)	-	-
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu (%)	18,39%	6,20%

- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	18,39%	6,20%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	2,33%	1,48%
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	0,99%	0,78%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	1,99%	6,38%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009, 2010, BCTC 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

- **Về khả năng thanh toán:**

Khả năng thanh toán của Công ty liên tục được cải thiện qua các năm. Tính đến ngày 31/12/2011, hệ số khả năng thanh toán nhanh là 0,77 và khả năng thanh toán ngắn hạn là 1,16.

- **Về cơ cấu vốn:**

Trong năm 2010 và năm 2011, vay nợ ngắn hạn và dài hạn đã giảm hơn 30% so với cuối năm 2009. Cơ cấu vốn theo hướng giảm tỷ trọng nợ vay, tỷ trọng nợ trong tổng tài sản còn 44,66% vào 31/12/2011. Điều này thể hiện Công ty ngày càng tự chủ về tài chính và giảm thiểu gánh nặng nợ vay khi tình hình lãi suất cho vay tăng cao trong vài năm trở lại đây.

- **Về năng lực hoạt động:**

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Trường nghề Hòa Bình mới đi vào hoạt động từ cuối năm 2009, tới năm 2010 mới đem lại doanh thu nên hiệu quả hoạt động còn ở mức thấp vì vốn đầu tư cơ sở vật chất ban đầu lớn. Năm 2011, hiệu quả đã tăng hơn do trường nghề đã bước đầu đi vào hoạt động ổn định.

- **Về khả năng sinh lời:**

Tỷ suất sinh lời của Công ty hiện nay không cao một phần do hoạt động kinh doanh của Trường nghề Hòa Bình mới đi vào hoạt động và hoạt động đầu tư tài chính đang trong giai đoạn khó khăn do ảnh hưởng của nền kinh tế.

13. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Anh	22/04/1977	182110843	Chủ tịch HĐQT, Giám đốc
2	Lại Thế Vĩnh	23/05/1981	012202689	Thành viên HĐQT

3	Trần Mạnh Hùng	08/11/1963	010825857	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thành Trung	31/07/1978	011890601	Thành viên HĐQT
5	Dương Văn Sơn	20/02/1980	135035022	Thành viên HĐQT

13.1 Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

SƠ YẾU LÝ LỊCH

13.1.1 Chủ tịch HĐQT – Nguyễn Văn Anh

- **Họ và tên:** Nguyễn Văn Anh
- **Số CMND:** 182110843 do Công an Nghệ An cấp ngày 09/07/2009
- **Giới tính:** Nam
- **Ngày tháng năm sinh:** 22/04/1977
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Dân tộc:** Kinh
- **Quê quán:** Xóm 15 – xã Nghi Phú – Vinh - Nghệ An.
- **Địa chỉ thường trú:** P707 Chung cư 11 tầng, Mỹ Đình I, thị trấn Cầu Diễn, huyện Từ Liêm, Hà Nội
- **Số điện thoại cơ quan:** 04 3562 6614
- **Trình độ học vấn:** Thạc sỹ
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- **Quá trình công tác:**
 - ✓ Từ 10/2002 đến 11/2006: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần xây dựng điện và hạ tầng Vĩnh Phúc.
 - ✓ Từ 01/2000 đến 12/2004: Phó phòng Tài chính đầu tư tại Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Việt Nam.
 - ✓ Từ 2005 đến 2006: Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Năng lượng Việt Nam.
 - ✓ Từ 2006 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Năng lượng Việt Nam.
- **Chức vụ hiện nay:** Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
- **Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT Công ty CP Vinam
- **Số cổ phần nắm giữ:** 157.200 cổ phần
- **Sở hữu cá nhân:** 157.200 cổ phần
- **Đại diện sở hữu:** 0 cổ phần
- **Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan:** Không
- **Hành vi vi phạm pháp luật:** Không
- **Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:** Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không

13.1.2 Thành viên HĐQT – Ông Lại Thế Vĩnh – Phó chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Lại Thế Vĩnh**
- Số CMND: 012202689 do Công an Hà Nội cấp ngày 26/04/2009
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/05/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đông Hưng, Đông Vinh, Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 5, thị trấn Đông Anh, Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan:
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hệ thống điện
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 2004 đến 2008: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Khu du lịch Sinh Thái;
 - ✓ Từ 2008 đến nay: Giám đốc CT CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu;
- Chức vụ hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: thành viên HĐQT CTCP Solavina; Giám đốc CT CP Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.3 Thành viên HĐQT – Ông Trần Mạnh Hùng - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Trần Mạnh Hùng**
- Số CMND: 010825857 do Công an Hà Nội cấp ngày 20/03/2002
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1963
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức Lạc - Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Số 14 A ngõ 123A, Phường Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 04 3785 4186
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật lý, cử nhân kinh tế đối ngoại

- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 09/1986 đến 08/1990: Kỹ sư nghiên cứu viện nghiên cứu quốc gia Hà Nội
 - ✓ Từ 08/1990 đến 01/1991: Công tác tại tập đoàn Nomura Nhật Bản
 - ✓ Từ 01/1991 đến 01/1993: Giám đốc công ty Việt Thành Hà Nội
 - ✓ Từ 01/1996 đến 09/1999: Cán bộ phòng kế hoạch - Công ty XD Lũng Lô - Giám đốc dự án xây dựng thủy điện Hàm Thuận – Đa Mi, Liên danh Tapbo - Lũng Lô
 - ✓ Từ 09/1999 đến 10/2011: Tổng giám đốc Công ty liên doanh Cavico Việt Nam
 - ✓ Từ 10/2001 đến 03/2002: Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam
 - ✓ Từ 03/2002 đến 06/2006: Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam
 - ✓ Từ 06/2006 đến nay: Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam, Phó TGĐ Công ty Cavico Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cavico Việt Nam khai thác mỏ và xây dựng.
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✓ Ủy viên HĐQT Công ty Cavico Việt Nam
 - ✓ Phó Tổng giám đốc Công ty Cavico Việt Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 70 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 70 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.4 Thành viên HĐQT – Ông Nguyễn Thành Trung - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Nguyễn Thành Trung**
- Số CMND: 011890601 do Công an Hà Nội cấp ngày 28/05/2003
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 31/07/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Phường Đông Vệ, TP Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: Số 14 A, ngõ 123A, Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan:
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Ngân hàng – Tài chính
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 01/2000 đến 01/2007: Công tác tại Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam
 - ✓ Từ 02/2007 đến 02/2008: Công ty CP Chứng khoán Tràng An

- ✓ Từ 03/2008 đến nay: Công ty Asiavantage Global Ltd (Japan)
- Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Nhân viên Công ty Asiavantage Global Ltd (Japan)
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.5 Thành viên HĐQT – Ông Dương Văn Sơn - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Dương Văn Sơn**
- Số CMND: 135035022 do Công an Vĩnh Phúc cấp ngày 26/3/1998
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1980
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Yên Lập - huyện Vĩnh Tường - tỉnh Vĩnh Phúc
- Địa chỉ thường trú: P205 - tập thể K40 - xã Mỹ Đình - huyện Từ Liêm - Hà Nội
- Số điện thoại cơ quan: 04 35626614
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 10/2002 đến 11/2006: Phụ tá kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng điện và hạ tầng Vĩnh Phúc.
 - ✓ Từ 01/2007 đến 05/2007: Làm kế toán tổng hợp tại Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Năng lượng Việt Nam.
 - ✓ Từ 06/2007 đến nay: Kế toán trưởng tại Công ty cổ phần Đầu tư & Phát triển Năng lượng Việt Nam.
- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc/Kế toán trưởng/ Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: thành viên HĐQT CTCP Solavina
- Số cổ phần nắm giữ: 8.000 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 8.000 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.2 Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Tạ Minh Lập	11/09/1975	012644381	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Nguyễn Thị Vân Anh	01/06/1985	183485102	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Văn Sáng	15/08/1983	183273577	Thành viên Ban Kiểm soát

SƠ YẾU LÝ LỊCH

13.2.1 Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Tạ Minh Lập

- Họ và tên: **Tạ Minh Lập**
- Số CMND: 012644381 do Công an Hà Nội cấp ngày 01/09/2003
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 11/09/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh An – Hoa Lư – Ninh Bình
- Địa chỉ thường trú: TT Công ty Cầu I Thăng Long (Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội)
- Số điện thoại cơ quan: 04 3562 6613
- Trình độ học vấn: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 10/1996 đến 06/2003: NV phòng KT-TC Chi nhánh Cty VIKAMEX;
 - ✓ Từ 09/2003 đến 08/2010: Trưởng phòng KT-TC DNTN Chung Thịnh;
 - ✓ Từ 09/2010 đến nay: Phụ trách KT-TC Công ty CP VINAM;
- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phụ trách KT-TC Công ty CP VINAM
- Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần
 - Sở hữu cá nhân: 1.000 cổ phần
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.2.2 Thành viên Ban Kiểm soát – Bà Nguyễn Thị Vân Anh

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Vân Anh**
- Số CMND: 183485102 do Công an Hà Tĩnh cấp ngày 10/4/2003
- Giới tính: Nữ

- Ngày tháng năm sinh: 01/6/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đức long – Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Đức long – Đức Thọ - Hà Tĩnh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 04 35636614
- Trình độ học vấn: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Lễ tân văn phòng
- Quá trình công tác:
 - ✓ Từ 08/2006 đến 10/2007: Nhân viên Hành chính nhân sự Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu du lịch sinh
 - ✓ Từ 11/2007 đến 08/2008: Nhân viên Hành chính nhân sự Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt nam
 - ✓ Từ 09/2008 đến 03/2009: Công ty cổ phần phát triển Trí tuệ trẻ Việt Nam
 - ✓ Từ 04/2009 đến nay: Nhân viên Hành chính nhân sự Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Nhân viên Hành chính nhân sự
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.2.3 Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Nguyễn Văn Sáng

- Họ và tên: Nguyễn Văn Sáng
- Số CMND: 183273577 Công an Hà Tĩnh cấp ngày 06/03/1999
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 15/08/1983
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Lộc – Can Lộc – Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: 18 H9 Tân Mai – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0435626614
- Trình độ học vấn: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Kế toán
- Quá trình công tác:

- ✓ Từ 2004 đến 2007: Công ty cổ phần tin học ISA;
- ✓ Từ 2008 đến 2009: Công ty xuất khẩu lao động Traenco;
- ✓ Từ 2009 đến nay: Công ty cổ phần Vinam;
- Chức vụ hiện nay: Thành viên ban kiểm soát
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán Công ty cổ phần Vinam
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần
Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
Đại diện sở hữu: 0 cổ phần
- Số cổ phần nắm giữ của người có liên quan: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.3 Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế Toán Trưởng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Số CMND	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Anh	22/04/1977	182110843	Giám đốc
2	Lại Thế Vĩnh	23/05/1981	012202689	Phó Giám đốc
3	Dương Văn Sơn	20/02/1980	135035022	PGĐ/Kế toán trưởng

13.3.1 Giám đốc – Ông Nguyễn Văn Anh

Như trên

13.3.2 Phó Giám đốc – Ông Lại Thế Vĩnh

Như trên

13.3.3 Kế toán trưởng – Ông Dương Văn Sơn

Như trên

14. Tài sản

Bảng 19: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	55.104.248.876	51.781.509.019	93.97%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	38.378.231.478	38.378.231.478	100.00%
2	Máy móc, thiết bị	3.003.959.591	2.840.194.525	94.55%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	13.144.256.222	10.468.623.087	79.64%

STT	KHOẢN MỤC	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	577.801.585	94.459.929	16,35%
II	Tài sản cố định thuê tài chính			
1	Máy móc, thiết bị	-	-	
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	
III	Tài sản cố định vô hình	3.129.912.842	2.895.421.410	92,51%
1	Quyền sử dụng đất	2.198.712.842	2.066.790.076	94,00%
2	Trang web công ty	50.000.000	10.833.349	21,67%
3	Phần mềm máy tính	881.200.000	817.797.985	92,81%
	Cộng	58.234.161.718	54.676.930.429	93,89%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng 20: Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2011

Đơn vị tính: đồng

STT	KHOẢN MỤC	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	56.309.616.923	49.223.235.382	87,42%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	38.378.231.478	36.785.244.528	95,85%
2	Máy móc, thiết bị	3.003.959.591	2.529.824.238	84,22%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	14.383.679.506	9.831.287.216	68,35%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	543.746.348	76.879.400	14,14%
II	Tài sản cố định thuê tài chính			
1	Máy móc, thiết bị	-	-	
2	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	
III	Tài sản cố định vô hình	3.129.912.842	2.751.827.177	87,92%
1	Quyền sử dụng đất	2.198.712.842	2.022.815.824	92,00%
2	Phần mềm máy tính	881.200.000	728.178.000	82,63%
3	Trang web công ty	50.000.000	833.353	1,67%

Cộng	59.439.529.765	51.975.062.255	87,44%
-------------	-----------------------	-----------------------	---------------

Nguồn: BCTCKT năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

Bảng 21: Bảng Giá trị tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2012

STT	KHOẢN MỤC	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	57.236.916.923	49.160.931.561	85,89%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	38.378.231.478	36.386.997.791	94,81%
2	Máy móc, thiết bị	3.003.959.591	2.452.231.666	81,63%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	15.310.979.506	10.258.605.876	67,00%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	543.746.348	63.096.229	11,60%
II	Tài sản cố định thuê tài chính			
1	Máy móc, thiết bị	-	-	
2	Phương tiện vận tải truyền dẫn	-	-	
III	Tài sản cố định vô hình	3.129.912.842	2.719.053.594	86,87%
1	Quyền sử dụng đất	2.198.712.842	2.011.822.261	91,50%
2	Phần mềm máy tính	881.200.000	707.231.333	80,26%
3	Trang web công ty	50.000.000	0	0
	Tổng số	60.366.829.765	51.879.985.155	85,94%

Bảng 22: Bất động sản Công ty đang sở hữu

TT	Danh mục	Diện tích (m²)	Hình thức	Phương án sử dụng	Ghi chú
1	Quyền sử dụng đất thửa 590, xóm Bến Cuối, xã Trung Sơn, huyện..., tỉnh Hòa Bình	74.086,1 m ²	Thuê 50 năm	Xây dựng trung tâm sát hạch lái xe Lương Sơn	

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo**15.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trên được xây dựng căn cứ vào định hướng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm tới của Công ty.

Bảng 23: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2012-2013*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2012		Năm 2013	
	Giá trị	%Tăng (giảm) so với năm 2011	Giá trị	%Tăng (giảm) so với năm 2012
Doanh thu thuần	18.711.400.000	16,28%	24.324.820.000	30%
Lợi nhuận sau thuế	1.521.380.000	52,58%	2.200.000.000	44,61%
Vốn điều lệ	64.687.500.000	15%	64.687.500.000	0
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	8,13%	1,93%	9,04%	0,91%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	2,70%	0,93%	3,91%	1,21%
Tỷ lệ cổ tức chi trả/ Vốn điều lệ	7,58% (*)	-	5% (**)	0

Nguồn: Dự báo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

(*) nguồn trả cổ tức 2012 bao gồm lợi nhuận sau thuế năm 2012 và lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước.

(**) nguồn trả cổ tức 2013 bao gồm lợi nhuận sau thuế năm 2013 và lợi nhuận chưa phân phối của các năm trước.

Kế hoạch lợi nhuận đề ra năm 2012-2013 dựa trên cơ sở lợi nhuận từ các hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp phép lái xe và hoạt động đầu tư và các hoạt động khác.

+ Hoạt động đào tạo, sát hạch, cấp phép lái xe hạng A1, B2, C, D, E của dự án trường nghề tiếp tục tăng trưởng do đã đi vào hoạt động ổn định, quy mô hoạt động ngày càng được mở rộng. Nhu cầu về hoạt động đào tạo lái xe trên địa bàn ngày càng cao. Công ty sẽ tập trung quản lý tốt dự án trường nghề, tập trung trong công tác giảng dạy, công tác tuyển sinh để tạo ra nguồn lợi nhuận ổn định trong năm 2012 và các năm tiếp theo. Đây là dự án trọng điểm của Công ty trong năm 2012.

+ Đối với hoạt động đầu tư và các hoạt động khác: trong giai đoạn 2012-2013 tình hình kinh tế có khả năng khả quan hơn do hết chu kỳ suy thoái. Do đó, hoạt động đầu tư của Công ty có thể đem lại lợi nhuận như cổ tức từ dự án thủy điện Bảo Lộc và Công ty Cổ phần Solavina. Ngoài ra, Công ty sẽ tích cực tham gia vào công tác quản trị tại dự án thủy điện Bảo Lộc, hỗ trợ để đưa cổ phiếu Công ty cổ phần VRG Bảo Lộc niêm yết trên sàn chứng khoán, đảm bảo giá trị đầu tư và tính thanh khoản của cổ phiếu.

+ Công ty tiếp tục nghiên cứu và tiến hành đầu tư mở rộng khu dịch vụ phục vụ dự án Trung tâm đào tạo – sát hạch lái xe, đảm bảo lợi nhuận và dòng tiền ổn định.

+ Công ty cũng tiếp tục tìm đối tác phù hợp nhằm khai thác hiệu quả khu đất 3,5 ha trong dự án trường nghề phù hợp với quy hoạch vùng cũng như định hướng phát triển của doanh nghiệp.

+ Tăng cường việc quản lý chi phí, giảm chi phí đến mức thấp nhất nhưng vẫn duy trì hoạt động hiệu quả của Công ty.

Trong bối cảnh tình hình kinh tế vĩ mô có nhiều khó khăn, kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận là một thách thức đối với Công ty. Tuy nhiên cùng với các hoạt động đầu tư có khả năng đem lại lợi nhuận với các biện pháp giảm thiểu chi phí trong hoạt động trường nghề (do trường nghề đã đi vào hoạt động ổn định) Công ty sẽ phấn đấu hoàn thành kế hoạch đề ra. .

15.2 Cơ sở xây dựng những chỉ tiêu, kế hoạch cho những năm tới

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty được xây dựng dựa trên những yếu tố khách quan và chủ quan sau:

Yếu tố khách quan:

Hoạt động đem lại nguồn thu từ dự án thủy điện Bảo Lộc và Trường nghề Hòa Bình đặc thù hầu như ít chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế vì đã hoàn thành giai đoạn đầu tư, nhu cầu đối với sản phẩm đầu ra rất cao.

Yếu tố chủ quan:

Dự án nhà máy thủy điện Bảo Lộc và Dự án Trường trung cấp nghề đã đi vào vận hành từ cuối năm 2009 và đang đem lại nguồn thu ổn định cho Công ty và theo xu hướng tăng qua từng năm;

Yếu tố chi phí về cơ bản đã được lượng hóa dự báo sát với thực tế, không có yếu tố gây đột biến tăng;

15.3 Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với Công ty

15.3.1 Điểm mạnh

- Đội ngũ nhân sự năng động, nhiệt huyết, am hiểu, có trình độ và kinh nghiệm nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và dự án nói chung;

- Hệ thống quản trị tốt
- Có mối quan hệ chặt chẽ và có uy tín nhất định với các tổ chức đầu tư, các định chế tài chính, thuận lợi cho việc kêu gọi đầu tư và hỗ trợ tài chính triển khai dự án;
- Một số dự án đã đi vào khai thác, dù chỉ mới ban đầu nhưng hứa hẹn sẽ đem lại nền tảng vững chắc cho Công ty, tạo điều kiện mở rộng dần hoạt động đầu tư.

15.3.2 Điểm yếu

- Năng lực tài chính tự thân tích lũy chưa thực sự mạnh, ảnh hưởng đến khả năng nắm bắt các cơ hội đầu tư tốt nhưng đòi hỏi vốn lớn và dài hơi;
- Cũng như rất nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nước, hoạt động của Công ty cũng chịu nhiều ảnh hưởng và dễ bị tổn thương bởi tác động của khủng hoảng kinh tế

15.3.3 Cơ hội

- Mối quan hệ hợp tác rộng rãi với các tổ chức tài chính, đầu tư trong và ngoài nước hứa hẹn sẽ đem lại nhiều cơ hội đầu tư tiềm năng;
- Uy tín đã được gây dựng với các cơ quan ban ngành ở nhiều địa phương tạo nhiều thuận lợi cho Công ty trong việc tìm kiếm và triển khai các dự án đầu tư;
- Cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài mấy năm vừa qua là một yếu tố sàng lọc các nhà đầu tư trong nước, đây cũng là cơ hội để Công ty thực hiện triệt để công việc tái cấu trúc danh mục, đồng thời tiếp cận lại nhiều dự án đã bị ngừng hoạt động do các chủ đầu tư ban đầu không thể tiếp tục triển khai, đón đầu thời kỳ kinh tế phục hồi.

15.3.4 Thách thức

- Mức độ cạnh tranh trong nền kinh tế ngày càng cao;
- Sự bất ổn vĩ mô và những khó khăn được dự báo sẽ còn kéo dài vài năm sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc thực hiện và đảm bảo kế hoạch đầu tư triển khai dự án nói chung trong trung hạn.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của V-POWER. Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đưa ra là có tính khả thi và Công ty có thể đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm như kế hoạch.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính

tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu năm 2011 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2011. Cụ thể :
 - ✓ Tỷ lệ thưởng cổ phiếu : 15%
 - ✓ Tỷ lệ thực hiện quyền : 20 :3 (01 cổ phiếu cũ tương đương với 01 quyền, cổ đông sở hữu 20 quyền cũ sẽ được nhận 03 cổ phiếu mới)
 - ✓ Số lượng cổ phần phát hành dự kiến : 843.750 cổ phần
 - ✓ Nguồn vốn hợp pháp sử dụng : nguồn thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

Trong năm 2011, tình hình kinh tế diễn biến không tốt, khi xét thấy kết quả hoạt động kinh doanh khó đạt được theo kế hoạch, Công ty quyết định tạm thời chưa trả cổ phiếu thưởng để giảm áp lực về cổ tức cho Công ty giúp công ty vượt qua thời kỳ khó khăn.

- Công ty sẽ phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông trong năm 2012, sau khi hoàn thành việc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

- Loại chứng khoán:** Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá:** 10.000 đồng
- Tổng số cổ phần niêm yết:** 5.625.000 cổ phần
- Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

4.1 Các hạn chế chuyển nhượng đối với nhân sự chủ chốt

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% cổ phần do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phần trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP đang nắm giữ	SLCP cam kết nắm giữ trong 6 tháng	SLCP cam kết nắm giữ trong 1 năm
1	Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	157.200	157.200	87.600
2	Lại Thế Vĩnh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	1.000	1.000	500
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	70	70	35
4	Dương Văn Sơn	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	8.000	8.000	4.000
5	Tạ Minh Lập	Trưởng Ban kiểm soát	1.000	1.000	500
	Tổng cộng		167.270	167.270	83.635

Nguồn: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam

5. Phương pháp tính giá

5.1. Giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách ngày 31/12/2010

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{67.047.735.687}{5.625.000} \\ &= 11.920(\text{đồng}) \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách ngày 31/12/2011

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{68.044.869.932}{5.625.000} \\ &= 12.096 (\text{đồng}) \end{aligned}$$

Giá trị sổ sách ngày 31/3/2012

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}} \\ &= \frac{68.180.998.498}{5.625.000} \\ &= 12.121 (\text{đồng}) \end{aligned}$$

5.2. Phương pháp tính giá

Giá cổ phiếu của Công ty được tính toán theo các phương pháp tính giá như sau: phương pháp giá trị sổ sách và giá trị thị trường của cổ phiếu VPC đang được giao dịch trên UPCOM.

📊 Giá trị sổ sách

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011, giá trị sổ sách một cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2011 được tính theo công thức sau:

Giá trị sổ sách của cổ phiếu = Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng số cổ phiếu đang lưu hành

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011
Vốn chủ sở hữu (1)	Đồng	68.044.869.932
Số lượng Cổ phiếu đang lưu hành (2)	Cổ phiếu	5.625.000
Giá trị sổ sách (3) = (1) / (2)	Đồng/Cổ phiếu	12.096

Phương pháp giá trị thị trường

Giá cổ phiếu của được tính toán dựa trên giá tham chiếu bình quân trong 5 ngày giao dịch trên UPCOM, từ ngày 16/5/2012 đến ngày 22/5/2012

TT	Ngày	Giá tham chiếu
1	16/5/2012	3.900 đồng/cp
2	17/5/2012	3.700 đồng/cp
3	18/5/2012	3.400 đồng/cp
4	21/5/2012	3.600 đồng/cp
5	22/5/2012	3.800 đồng/cp
	Trung bình	3.680 đồng/cp

Tổng hợp các phương pháp tính giá

Phương pháp	Giá cổ phiếu	Tỷ trọng	
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011	12.096 đồng/cp	20%	2.419
Giá trị thị trường	3.680 đồng/cp	80%	2.944
Giá bình quân gia quyền			5.363 đồng/cp

Căn cứ vào kết quả tính toán trên và tình hình thực tế của thị trường chứng khoán, dự kiến giá tham chiếu ngày giao dịch đầu tiên của một Cổ phiếu VPC là **5.000 đồng/cổ phần**.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tuy nhiên, theo Nghị định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài được nắm giữ “tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng”.

Tính đến ngày 06/02/2012, số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là 389.300 cổ phiếu, chiếm 6.921% tổng số cổ phiếu của Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

Thuế giá trị gia tăng: Công ty thực hiện tự kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và áp dụng theo Thông tư 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Đối với hoạt động trường nghề Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2010) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập cá nhân: Công ty thực hiện khấu trừ và nộp theo Thông tư 84/2008/TT-BCT ngày 30/09/2008 và Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 của Bộ Tài chính.

Đối với các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN (SACOMBANK-SBS)

Trụ sở chính

Địa chỉ: Số 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 6268 6868 Fax: (84-8) 6255 5939

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 88 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3942 8076 Fax: (84-4) 3941 0233

Website: www.sbsc.com.vn

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ: 38 Lam Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 6296 8684 Fax: (84-8) 6296 8684

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà M3M4, 91 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62663006 Fax: (84-4) 6266 066

Website: www.dfkvietnam.com

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.**
- 2. Phụ lục II: Điều lệ Công ty.**
- 3. Phụ lục III: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010, năm 2011, BCTC quý 1/2012.**
- 4. Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc. Kế toán trưởng.**
- 5. Phụ lục V: Các phụ lục khác.**

Hà Nội, ngày 24 tháng 5 năm 2012

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
NĂNG LƯỢNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIỂM GIÀM ĐỐC



NGUYỄN VĂN ANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Tat Lal", with a horizontal line underneath.

TẠ MINH LẬP

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Dương Văn Sơn", with a horizontal line underneath.

DƯƠNG VĂN SƠN

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC



Hoàng Thanh Tuấn